UBND XÃ TRÀ LIÊN
TRƯỜNG THCS PHƯƠNG ĐÔNG

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I
NĂM HỌC: 2025 - 2026
MÔN: TOÁN - LỚP 7 - THỜI GIAN: 90 phút

TT	Chương /Chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá						Tổng % điểm
			NB		TH		VD		
			TN	TL	TN	TL	TN	TL	
1	**Số hữu tỉ**	Số hữu tỉ và tập hợp các số hữu tỉ. Thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ.	5 (TN 1,2,4,6,7) 1,25đ					2 (TL 3a,3b) 1,0đ	**22,5%**
		Các phép tính với số hữu tỉ.	2 (TN 3,5) 0,5đ			2 (TL 1a,1b) 1,5đ		3 (TL 2a,2b,5) 2,0đ	**40%**
3	**Góc và đường thẳng song song**	Góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc.	2 (TN 8, 10) 0,5đ						**5%**
		Hai đường thẳng song song. Tiên đề Euclid. Tính chất hai đường thẳng song song.	2 (TN 9, 11) 0,5đ	1 (TL4 a) 1đ		1 (TL 4b) 1,5đ			**30%**
		Khái niệm định lí, chứng minh một định lí.	1 TN12 0,25đ						**2,5%**
Tổng: Số câu Điểm			**12 3,0đ**	**1 1,0đ**		**3 3,0đ**		**5 3,0đ**	**21 10đ**
Tỉ lệ phần trăm			**40%**		**30%**		**30%**		**100%**
Tỉ lệ chung			**70%**				**30%**		**100%**

Tổ trưởng **Ban giám hiệu**

UBND XÃ TRÀ LIÊN
TRƯỜNG THCS PHƯƠNG ĐÔNG

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I
NĂM HỌC: 2025 - 2026
MÔN: TOÁN - LỚP 7 - THỜI GIAN: 90 phút

TT	Chương / Chủ đề	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức		
				NB	TH	VD
1	**Số hữu tỉ**	Tập hợp các số hữu tỉ	**Nhận biết:** - Nhận biết được số hữu tỉ và lấy được ví dụ về số hữu tỉ. - Nhận biết được tập hợp các số hữu tỉ. - Nhận biết được số đối của một số hữu tỉ. - Nhận biết được thứ tự trong tập hợp các số hữu tỉ.	5 (TN 1,2,4,6,7)		
			Thông hiểu: - Biểu diễn được số hữu tỉ trên trục số.			
			Vận dụng: - So sánh được hai số hữu tỉ.			2 (TL 3a,b)
		Phép tính với số hữu tỉ	**Nhận biết:** - Nhận biết được khái niệm của lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ. - Mô tả được phép tính luỹ thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ và một số tính chất của phép tính đó (tích và thương của hai luỹ thừa cùng cơ số, luỹ thừa của luỹ thừa).	2 (TN 3,5)		
			Thông hiểu: - Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia trong tập hợp số hữu tỉ. - Thực hiện tính toán được các phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên của một số hữu tỉ.		2 (TL 1a,b)	
			Vận dụng: - Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc chuyển vế với số hữu tỉ trong tính toán. - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc, không quen thuộc)***			3 (TL 2a,2b,5)

			gắn với các phép tính về số hữu tỉ. (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí, trong đo đạc,...).			
3	**Góc, đường thẳng song song**	Góc ở vị trí đặc biệt, tia phân giác	**Nhận biết:** - Nhận biết được các góc ở vị trí đặc biệt (hai góc kề bù, hai góc đối đỉnh). - Nhận biết được tia phân giác của một góc. - Nhận biết được cách vẽ tia phân giác của một góc bằng dụng cụ học tập.	2 (TN 8,10)		
		Hai đường thẳng song song. Tiên đề Euclid về đường thẳng song song	**Nhận biết:** - Nhận biết được tiên đề Euclid về đường thẳng song song.	1 TL 4a		
			Thông hiểu: - Mô tả được một số tính chất của hai đường thẳng song song. - Mô tả được dấu hiệu song song của hai đường thẳng thông qua cặp góc đồng vị, cặp góc so le trong.	2 (TN9,11)	1 TL 4b	
		Khái niệm định lí, chứng minh một định lí	***Nhận biết:*** - Nhận biết được thế nào là một định lí. ***Thông hiểu:*** - Hiểu được phần chứng minh của một định lí; ***Vận dụng:*** - Chứng minh được một định lí;	1 TN12		
Tổng: số câu Điểm				13 4đ	3 3đ	5 3đ
Tỉ lệ %				**40%**	**30%**	**30%**

Tổ trưởng **Ban giám hiệu**

UBND XÃ TRÀ LIÊN
TRƯỜNG THCS PHƯƠNG ĐÔNG

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I
NĂM HỌC: 2025 – 2026
MÔN: TOÁN - LỚP 7
THỜI GIAN: 90 phút

Họ và tên: ……..…… **Lớp: 7**	**Điểm**	**Nhận xét của giáo viên**

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN *(3,0 điểm)*

Chọn chữ cái trước ý trả lời đúng nhất trong các câu sau rồi ghi vào giấy làm bài.

Câu 1. Tập hợp các số hữu tỉ kí hiệu là

A. N. **B.** N^*. **C.** Q . **D.** Z .

Câu 2. Số đối của $\frac{2}{3}$ là

A. $-\frac{2}{3}$. **B.** $\frac{3}{2}$. **C.** $\frac{-3}{2}$. **D.** $\frac{2}{3}$.

Câu 3. Khẳng định nào sau đây là **đúng**?

A. $(x^m)^n = x^{m+n}$. **B.** $(x^m)^n = x^{m.n}$.

C. $(x^m)^n = x^{m:n}$. **D.** $(x^m)^n = x^{m-n}$.

Câu 4. Số **không phải** số hữu tỉ là

A. $\frac{-2}{3}$. **B.** $3\frac{2}{7}$. **C.** 2,5. **D.** $\frac{10}{0}$.

Câu 5. Kết quả của phép tính $(-3)^2.(-3)^8$ là

A. 3^{15}. **B.** $(-3)^{10}$. **C.** $(-3)^5$. **D.** $(-3)^{15}$.

Câu 6. Chọn đáp án **đúng**?

A. -9 ∈ N . **B.** -9 ∉ Z. **C.** -9 ∈ Q. **D.** -9 ∉ Q.

Câu 7. Cho hình vẽ sau:

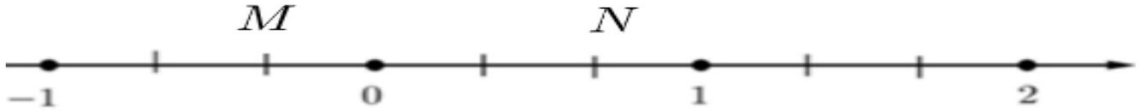

Trên trục số, điểm N biểu diễn các số hữu tỉ nào?

A. $\frac{1}{3}$. **B.** $-\frac{1}{3}$. **C.** $-\frac{2}{3}$. **D.** $\frac{2}{3}$.

Câu 8. Cho hình vẽ dưới đây, $\widehat{BAH}$ và $\widehat{CBE}$ là một cặp góc

A. đồng vị.
B. trong cùng phía.
C. so le trong.
D. so le ngoài .

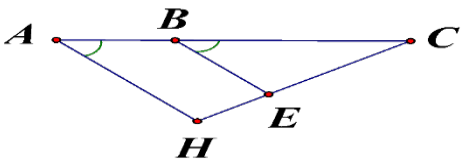

Câu 9. Chọn câu phát biểu **đúng**?

A. Hai đường thẳng không có điểm chung gọi là hai đường thẳng song song với nhau.
B. Hai đường thẳng không song song là hai đường thẳng không có điểm chung.
C. Hai đường thẳng song song là hai đường thẳng có điểm chung.
D. Hai đường thẳng cắt nhau là hai đường thẳng không có điểm chung.

Câu 10. Cho hình vẽ, biết $\widehat{xOy} = 30^0$, Oy là tia phân giác của góc $\widehat{xOz}$. Khi đó số đo $\widehat{yOz}$ bằng

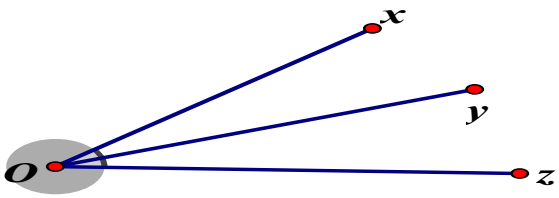

A. 20^0 . **B.** 140^0. **C.** 80^0. **D.** 30^0.

Câu 11. Cho ba đường thẳng a, b và c phân biệt. Biết $a \perp c, b \perp c$ ta suy ra

A. $a \perp b$. **B.** $a // b$. **C.** a trùng với b. **D.** a và b cắt nhau.

Câu 12. Chứng minh định lí là

A. dùng đo đạc trực tiếp để suy ra kết luận.
B. dùng lập luận để từ giả thiết suy ra kết luận.
C. dùng lập luận để từ kết luận suy ra giả thiết.
D. dùng hình vẽ để suy ra kết luận.

II. TỰ LUẬN *(7,0 điểm)*

Bài 1. ***(1.5 điểm)*** Thực hiện phép tính (hợp lý nếu có thể):

a) $\frac{31}{23}+\left(\frac{7}{2}-\frac{8}{23}\right)$. **b)** $34,5\cdot\frac{11}{25}+65,5\cdot\frac{11}{25}$.

Bài 2. ***(1 điểm)*** Tìm x biết: **a)** $x-\frac{1}{2}=\frac{5}{4}$. **b)** $\left(x-\frac{3}{2}\right)^3=\frac{1}{8}$.

Bài 3. ***(1 điểm)*** So sánh: **a)** $\frac{1}{3}$ và $\frac{2}{5}$. **b)** $-\frac{1}{2}$ và $-\frac{2}{3}$.

Bài 4. ***(2,5 điểm)*** Cho hình vẽ bên

a) Vì sao a // b?

b) Tính số đo của $\hat{A}_3$; $\hat{A}_4$; $\hat{A}_1$.

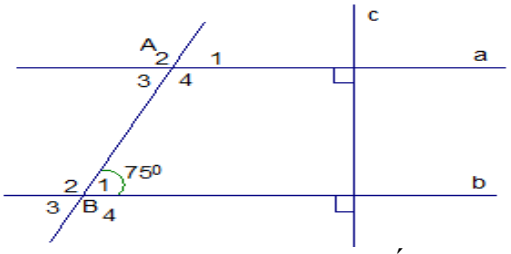

Bài 5. ***(1,0 điểm)*** Nhân dịp sinh nhật, bạn Nam được ông nội tặng một chiếc bánh kem nặng 240 gam. Gia đình bạn Nam có bố, mẹ và một đứa em út nên bạn Nam chia cái bánh làm bốn phần bằng nhau. Bạn Nam ăn hết một phần, em của Nam ăn hết một phần, còn bố mẹ bạn Nam không ăn nên em của Nam ăn luôn phần của bố mẹ. Hỏi em của Nam đã ăn hết bao nhiêu gam của chiếc bánh kem đó.

……Hết……..

(Học sinh không sử dụng tài liệu, giám thị coi thi không giải thích gì thêm!)

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM
MÔN: TOÁN 7

I. TRẮC NGHIỆM: *(3,0 điểm) Mỗi câu chọn đúng được 0,25 điểm.*

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	C	A	B	D	B	C	D	A	A	D	B	B

II. TỰ LUẬN: *(7,0 điểm)*

Bài	**Lời giải**	**Điểm**
1a ***(0,75đ)***	a) $\frac{31}{23}+\left(\frac{7}{2}-\frac{8}{23}\right)=\frac{31}{23}+\frac{7}{2}-\frac{8}{23}$ $=\left(\frac{31}{23}-\frac{8}{23}\right)+\frac{7}{2}=\frac{23}{23}+\frac{7}{2}$ $=1+\frac{7}{2}=\frac{2}{2}+\frac{7}{2}=\frac{9}{2}.$	*0.25đ* *0.25đ* *0.25đ*
1b ***(0,75đ)***	b) $34,5\cdot\frac{11}{25}+65,5\cdot\frac{11}{25}=(34,5+65,5).\frac{11}{25}$ $=100.\frac{11}{25}$ $=44.$	*0,25đ* *0,25đ* *0,25đ*
2a ***(0,5đ)***	a) $x-\frac{1}{2}=\frac{5}{4}$ $x=\frac{5}{4}+\frac{1}{2}$ $x=\frac{5}{4}+\frac{2}{4}=\frac{7}{4}.$	*0,25đ* *0,25đ*
2b ***(0,5đ)***	b) $\left(x-\frac{3}{2}\right)^3=\frac{1}{8}$ $\left(x-\frac{3}{2}\right)^3=\left(\frac{1}{2}\right)^3$ $x-\frac{3}{2}=\frac{1}{2}$ $x=\frac{1}{2}+\frac{3}{2}$ $x=1.$	*0,125đ* *0,125đ* *0,125đ* *0,125đ*
3a ***(0,5đ)***	a) Ta có: $\frac{1}{3}=\frac{5}{15}$ $\frac{2}{5}=\frac{6}{15}$	*0,25đ* *0,25đ*

	Vì $\frac{5}{15}<\frac{6}{15}$ nên $\frac{1}{3}<\frac{2}{5}$.	
3b ***(0,5đ)***	b) Ta có: $-\frac{1}{2}=-\frac{3}{6}$ $-\frac{2}{3}=-\frac{4}{6}$ Vì $-\frac{3}{6}>-\frac{4}{6}$ nên $-\frac{1}{2}>-\frac{2}{3}$.	*0, 25* *0,25*
4 ***(2,5đ)***	a) Ta có: $a \perp c$ và $b \perp c$, suy ra a // b. b) Tính được: $\hat{A}_3 = 75^0$; $\hat{A}_4 = 105^0$; $\hat{A}_1 = 75^0$.	*1,0đ* *1,5đ*
5 ***(1đ)***	Khối lượng mỗi phần bánh: $\frac{240}{4}$ = 60 (gam) Tổng số gam bánh kem mà em của Nam đã ăn là: 60.3 = 20 (gam).	*0,5đ* *0,5đ*

Lưu ý: Học sinh nào có cách giải khác đúng vẫn cho điểm tối đa.

Trà Liên, ngày 25 tháng 10 năm 2025

GV ra đề

Nguyễn Đình Đá

UBND XÃ TRÀ LIÊN
TRƯỜNG THCS PHƯƠNG ĐÔNG

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA KÌ I
NĂM HỌC: 2025 – 2026
MÔN: TOÁN - LỚP 7
(DÀNH CHO HSKT)
THỜI GIAN: 90 phút

Họ và tên: ……..…… **Lớp: 7**	**Điểm**	**Nhận xét của giáo viên**

I. TRẮC NGHIỆM KHÁCH QUAN *(6,0 điểm)*

Chọn chữ cái trước ý trả lời đúng nhất trong các câu sau rồi ghi vào giấy làm bài.

Câu 1. Tập hợp các số hữu tỉ kí hiệu là

A. N. **B.** N^*. **C.** Q . **D.** Z .

Câu 2. Số đối của $\frac{2}{3}$ là

A. $-\frac{2}{3}$. **B.** $\frac{3}{2}$. **C.** $\frac{-3}{2}$. **D.** $\frac{2}{3}$.

Câu 3. Khẳng định nào sau đây là đúng?

A. $(x^m)^n = x^{m+n}$. **B.** $(x^m)^n = x^{m.n}$.

C. $(x^m)^n = x^{m:n}$. **D.** $(x^m)^n = x^{m-n}$.

Câu 4. Số **<u>không phải</u>** số hữu tỉ là

A. $\frac{-2}{3}$. **B.** $3\frac{2}{7}$. **C.** 2,5. **D.** $\frac{10}{0}$.

Câu 5. Kết quả của phép tính $(-3)^2.(-3)^8$ là

A. 3^{15}. **B.** $(-3)^{10}$. **C.** $(-3)^5$. **D.** $(-3)^{15}$.

Câu 6. Chọn đáp án đúng?

A. -9 ∈ N . **B.** -9 ∉ Z. **C.** -9 ∈ Q. **D.** -9 ∉ Q.

Câu 7. Cho hình vẽ sau:

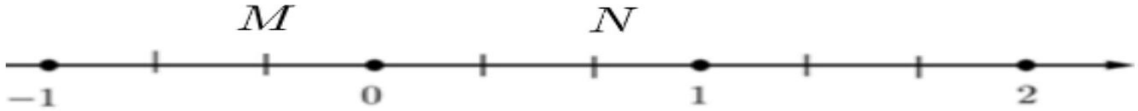

Trên trục số, điểm **N** biểu diễn các số hữu tỉ nào?

A. $\frac{1}{3}$. **B.** $-\frac{1}{3}$. **C.** $-\frac{2}{3}$. **D.** $\frac{2}{3}$.

Câu 8. Cho hình vẽ dưới đây, $\widehat{BAH}$ và $\widehat{CBE}$ là một cặp góc

A. đồng vị.
B. trong cùng phía.
C. so le trong.
D. so le ngoài .

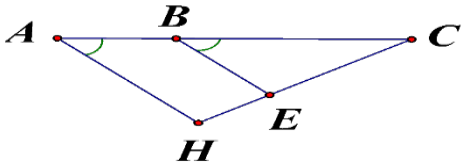

Câu 9. Chọn câu phát biểu đúng?

A. Hai đường thẳng không có điểm chung gọi là hai đường thẳng song song với nhau.
B. Hai đường thẳng không song song là hai đường thẳng không có điểm chung.

C. Hai đường thẳng song song là hai đường thẳng có điểm chung.

D. Hai đường thẳng cắt nhau là hai đường thẳng không có điểm chung.

Câu 10. Cho hình vẽ, biết $\widehat{xOy} = 30^0$, Oy là tia phân giác của góc $\widehat{xOz}$. Khi đó số đo $\widehat{yOz}$ bằng

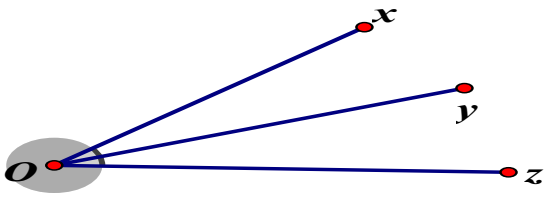

A. 20^0 . **B.** 140^0. **C.** 80^0. **D.** 30^0.

Câu 11. Cho ba đường thẳng a, b và c phân biệt. Biết $a \perp c, b \perp c$ ta suy ra

A. a và b vuông góc. **B.** $a // b$. **C.** a trùng với b. **D.** a và b cắt nhau.

Câu 12. Chứng minh định lí là

A. dùng đo đạc trực tiếp để suy ra kết luận.

B. dùng lập luận để từ giả thiết suy ra kết luận.

C. dùng lập luận để từ kết luận suy ra giả thiết.

D. dùng hình vẽ để suy ra kết luận.

II. TỰ LUẬN *(4,0 điểm)*

Bài 1. ***(2,0 điểm)*** Cho các số $-\frac{5}{4}; \frac{3}{5}; \frac{9}{0}$; 7; 2,5. Số nào là số hữu tỉ ?

Bài 2. ***(2,0 điểm)*** Cho hình vẽ bên, kể tên các đường thẳng song song với nhau? Giải thích vì sao?

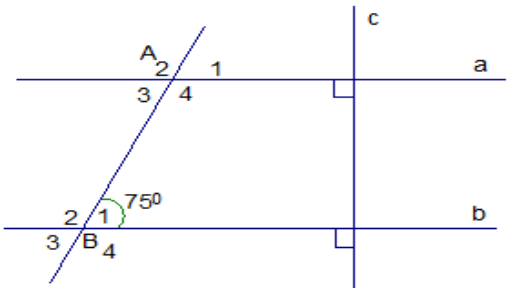

……Hết……..

(Học sinh không sử dụng tài liệu, giám thị coi thi không giải thích gì thêm!)

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM
MÔN: TOÁN 7 (HSKT)

I. TRẮC NGHIỆM: *(6,0 điểm) Mỗi câu chọn đúng được 0,5 điểm.*

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Đáp án	C	A	B	D	B	C	D	A	A	D	B	B

II. TỰ LUẬN: *(4,0 điểm)*

Bài	**Lời giải**	**Điểm**
1 ***(2,0đ)***	Trả lời đúng mỗi số hữu tỉ được 0,5 điểm.	*2,0đ*
2 ***(2,0đ)***	Ta có: a // b vì a và b cùng vuông góc với c.	*1,0đ* *1,0đ*

Lưu ý: Học sinh nào có cách giải khác đúng vẫn cho điểm tối đa.

Trà Liên, ngày 25 tháng 10 năm 2025
GV ra đề

Nguyễn Đình Đá

Xem thêm: **ĐỀ THI GIỮA HK1 TOÁN 7**
https://thcs.toanmath.com/de-thi-giua-hk1-toan-7